

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 4-AN GIANG

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Mai Thị Lý

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Danh An K, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh A

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Danh An K trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị K tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2014, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) vào ngày 03/11/2014. Trong thời gian chung sống, anh chị sinh được 03 người con chung gồm: Danh Nguyễn Quốc C, sinh ngày 13/11/2014; Danh Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 19/5/2016 và Danh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11/10/2018. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Do hiện nay các con đều ở với mẹ nên anh K đồng ý giao 03 con cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng/3 con đến khi các con tới tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị K:** Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, chị K cũng nhận được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng chị K không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh K nên không có lời khai của chị K tại Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Danh An K khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị K hiện nay đang có địa chỉ thường trú tại: Ấp H, xã H, tỉnh A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Bị đơn đã được triệu tập 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn, HĐXX nhận định: Anh Danh An K và chị Nguyễn Thị K cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn số 152 ngày 03/11/2014, tại UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang). Như vậy, việc kết hôn của anh K và chị K đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, ông bà đã sống ly thân từ nhiều tháng nay.

Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Hơn nữa, việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự

nguyện của hai bên, nay anh K kiên quyết không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị K. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[2.2] Về con chung: có 03 con chung tên Danh Nguyễn Quốc C, sinh ngày 13/11/2014; Danh Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 19/5/2016 và Danh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11/10/2018. Do chị K đưa 03 con đi nơi khác sinh sống, không cho anh K gặp mặt và liên lạc với con.

Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định hiện tại của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K về con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Anh K phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

[4]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh An K được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Danh Nguyễn Quốc C, sinh ngày 13/11/2014; Danh Nguyễn Hoàng P, sinh ngày

19/5/2016 và Danh Nguyễn Nhật H, sinh ngày 11/10/2018 đến khi các con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian chị K nuôi dưỡng con chung, anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng/3 con đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

3. Về án phí: Anh Danh An K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang) theo biên lai thu số 0001335 ngày 02 tháng 10 năm 2024. Anh K không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Cúc**